

TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TỈNH THÁI NGUYÊN Độc lập - Tự do- Hạnh phúc

Bản án số:80/2021/HS-ST

Ngày: 25-6-2021

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN PHÚ BÌNH, TỈNH THÁI NGUYÊN

- Thành phần Hội đồng xét xử gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Bà Châm Thị Vân Kh

Các hội thẩm nhân dân: 1. Ông Nguyễn Văn Hơi, nghề nghiệp: Cán bộ hưu trí

2. Bà Hoàng Thị Kim Liên, nghề nghiệp: Giáo viên

-Thư ký phiên tòa: Bà Trịnh Thị Minh Hải- Thư ký Tòa án nhân dân huyện Phú Bình.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình tham gia phiên toà:
Bà Lý Thị Tuyết - Kiểm sát viên.

Ngày 25 tháng 6 năm 2021, tại Hội trường Tòa án nhân dân huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 50/2021/TLST-HS ngày 16/4/2021 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 60/2021/QĐXXST-HS ngày 12/5/2021 đối với bị cáo:

Họ và tên: Vũ Ngọc L; giới tính: Nam; sinh năm 1960; nơi ĐKKHKT và chỗ ở: xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên; nghề nghiệp: Lao động tự do; trình độ học vấn: 7/10; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; tôn giáo: Không; con ông Vũ Văn D (đã chết) và bà Tạ Thị B (đã chết); Vợ thứ nhất: Đỗ Thị M (đã ly hôn), vợ chồng có 02 con chung (Con lớn sinh năm 1986, con nhỏ sinh năm 1990), vợ thứ 2: Tạ Thị D (đã ly hôn), vợ chồng có 01 con chung sinh năm 2014; Tiền án, Tiền sự: không.

Nhân thân: Tại Bản án số 01/1988/HSPT ngày 04/02/1988 Tòa án nhân dân huyện Phú Bình xử phạt 36 tháng tù về tội “Lừa đảo chiếm đoạt tài sản xã hội chủ nghĩa”.

Ngày 30/10/2010 bị Công an phường Túc Duyên, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên xử phạt hành chính về hành vi “Đánh bạc”. Đã chấp hành xong.

Bị cáo bị bắt tạm giam từ ngày 11/12/2020, hiện đang bị tạm giam tại Trại tạm giam Công an tỉnh Thái Nguyên; có mặt tại phiên tòa.

- *Người bào chữa cho bị cáo:* Bà Thiệu Thị Thanh Huyền – Luật sư thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái Nguyên. (Có mặt)

- Bị hại: Cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 19/9/2005 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

- Người đại diện hợp pháp của bị hại:

Bà Tạ Thị D, sinh năm 1983 (mẹ đẻ bị hại) (Có mặt)

Địa chỉ: xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên.

Ông Nguyễn Việt H, sinh năm 1981 (bố đẻ bị hại) (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Nh, xã Th, thành phố Thái Nguyên, tỉnh Thái Nguyên.

- Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại: Bà Nguyễn Ngọc Quỳnh Trơ giúp viên pháp lý thuộc Trung tâm trợ giúp pháp lý Nhà nước tỉnh Thái nguyên. (Có mặt)

- Người tham gia tố tụng khác:

+ Người làm chứng: 1. Chị Đặng Thị Diệp Ch, sinh năm 1968 (Vắng mặt)

Địa chỉ: xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên, Thái Nguyên.

2. Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965 (Vắng mặt)

Địa chỉ: TDP C, phường H, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 19/9/2005 là con gái chị Tạ Thị D, sinh năm 1983 và anh Nguyễn Việt Hưng, sinh năm 1981. Năm 2010 chị H và anh Hưng ly hôn, cháu H sống cùng chị D. Năm 2014, chị D kết hôn với Vũ Ngọc L, sinh năm 1960 có 01 con chung là cháu Vũ Ngọc Kh, sinh năm 2014. Cả 04 người gồm cháu H, cháu Kh, chị D và bị cáo L cùng sống chung tại xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Cuối năm 2018, L nợ nần nhiều dẫn đến mâu thuẫn vợ chồng và sống ly thân với chị D.

Đầu năm 2019 L đi làm thợ xây ở Đông Anh, thành Phố Hà Nội thỉnh thoảng về nhà, chị D đi làm tại Công ty TNHH FR Tech thuộc khu Công nghiệp Diềm Thụy, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên. Lợi dụng việc chị D phải đi làm ca đêm, L đã nhiều lần thực hiện hành vi dâm ô, giao cấu với cháu Nguyễn Thu H khi cháu H đủ 13 nhưng dưới 16 tuổi, cụ thể: Khoảng tháng 04/2019, khi cháu Nguyễn Thu H (13 tuổi 5 tháng) đang tắm và có nhờ L lấy hộ quần áo, nhà tắm không có cửa mà chỉ che bằng tấm vải nên khi L vén tấm vải ra đưa quần áo cho H thì nhìn thấy cháu H đang đứng trên người không mặc gì. L nảy sinh ý định sờ vào người H để thoả mãn nhu cầu sinh lý của bản thân, nên L đi vào nhà tắm dùng miệng hôn vào vú và dùng tay sờ vào âm hộ của cháu H. Đến khoảng tháng 6/2019 khi thấy cháu H đang tắm và không có chị D ở nhà, L đi vào nhà

tắm nhìn thấy cháu H trên người không mặc quần áo, L tiếp tục dùng miệng hôn vào vú và dùng tay sờ vào bộ phận sinh dục của cháu H. Do không thấy cháu H phản ứng, kháng cự hay la hét gì, cũng không nói cho ai biết nên sau đó L đã nhiều lần thực hiện hành vi dùng tay sờ vào vú và bộ phận sinh dục khi cháu H đang ngồi tại giường chơi điện thoại và khi cháu H đang ngồi học bài ở bàn.

Khoảng tháng 12/2019, khi L về thăm gia đình vào buổi tối, chị D đi làm ca đêm, ở nhà có L, cháu H và cháu Kh. Lúc đi ngủ thì L, cháu H và cháu Kh nằm cùng giường, L nằm giữa cháu H và cháu Kh. Khi thấy cháu Kh đã ngủ say, L thực hiện hành vi ôm cháu Nguyễn Thu H (lúc này cháu H 14 tuổi 02 tháng), dùng tay luồn qua áo để sờ vú và một tay sờ âm hộ của cháu H, thấy cháu H không có phản ứng gì nên L đã cởi quần của cháu H rồi tự cởi quần của mình, sau đó L cạy dương vật đã cương cứng của mình vào âm hộ của cháu H thì cháu H đẩy L ra lúc này L dừng lại.

Đầu năm 2020, L về làm thợ xây ở gần nhà. Ngày 13/3/2020, chị D đi làm ca đêm, L ở nhà và nằm cùng giường với cháu H và cháu Kh. Đến khoảng 23 giờ 30 phút cùng ngày, khi thấy cháu Kh đã ngủ say, L tiếp tục thực hiện hành vi ôm cháu H, dùng tay luồn qua áo, quần để sờ vú và âm hộ của cháu H, thấy cháu H không có phản ứng gì nên L đã cởi quần của cháu H rồi tự cởi quần của mình, sau đó L đưa dương vật đã cương cứng của mình vào trong âm đạo của cháu H rồi quan hệ tình dục với cháu H khoảng 05 phút thì xuất tinh vào trong âm đạo của cháu H. Quan hệ tình dục xong L dùng quần đùi của mình để lau âm hộ cho cháu H và hai người tự mặc quần áo lại. Từ tháng 03/2020 đến tháng 07/2020 L đã nhiều lần quan hệ tình dục với cháu H, các lần quan hệ tình dục L đều xuất tinh vào trong âm hộ của cháu H. Do nghi ngờ cháu H có thai nên L đã mua que thử thai cho cháu H và phát hiện cháu H có thai. Ngày 17/7/2020 L đưa H đi khỏi nhà để trốn gia đình nhằm che giấu việc cháu H có thai. Để tránh bị phát hiện, L bảo cháu H đạp xe đạp ra khỏi nhà còn L đi xe máy, L dẫn cháu H đến nhà bà Đặng Thị Diệp Ch, sinh năm 1968 trú tại xóm Đ, xã S, thành phố Thái Nguyên để ở nhờ nhưng lo sợ gia đình phát hiện nên L đã đưa cháu H đến nhiều địa phương khác nhau để trốn tránh và tìm việc làm. Trong thời gian đưa cháu H đi bỏ trốn, L nhiều lần tiếp tục thực hiện hành vi quan hệ tình dục với cháu H tại nhà nghỉ và nhà trọ trên đường đi.

Khoảng tháng 10/2020, L đưa cháu H đến nhà bà Phạm Thị T, sinh năm 1965 trú tại TDP C, phường H, thành phố Vĩnh Yên, tỉnh Vĩnh Phúc để ở nhờ tại quán sửa xe của nhà bà T.

Đến ngày 29/11/2020, chị D liên lạc với cháu H qua Facebook và được biết chỗ cháu H đang ở nên chị D đến đưa H về nhà rồi làm đơn trình báo đến Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình.

Ngày 08/01/2021, cháu Nguyễn Thu H sinh một bé gái tại Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình. Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện Phú Bình thu thập mẫu máu của cháu gái do H sinh ra để gửi đi giám định

Tại bản kết luận giám định pháp y về AND số 51/21/TC-AND ngày 18/01/2021 của Viện pháp y quốc gia kết luận:

- Nguyễn Thu H có quan hệ huyết thống mẹ - con với bé gái được chị Nguyễn Thu H sinh ra vào ngày 08/01/2021, độ tin cậy 99,9999%

- Vũ Ngọc L có quan hệ huyết thống cha – con với bé gái được chị Nguyễn Thu H sinh ra vào ngày 08/01/2021, độ tin cậy 99,9999%

Tại Cơ quan điều tra, Vũ Ngọc L đã khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội như nêu trên.

Vật chứng của vụ án là: 01 xe đạp, loại xe mini, màu hồng khung xe có chữ “ERANOS”, vành xe có chữ “AVIBUS SM80” lồng xe bị vỡ, xe cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại nhãn hiệu Samsung màu xám, bị nứt ở góc dưới màn hình, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT 1” và 150.000 đồng tiền ngân hàng nhà nước Việt Nam là tài sản của cháu H, hiện đang được bảo quản chờ xử lý; 01 bì niêm phong bên trong chứa 01 đĩa CD ghi hình có âm thanh lời khai của Vũ Ngọc L được chuyển theo hồ sơ vụ án.

Về trách nhiệm dân sự: Quá trình điều tra bị hại Nguyễn Thu H và bà Tạ Thị D, ông Nguyễn Việt H (cha mẹ ruột của cháu H là người đại diện theo pháp luật) yêu cầu xử lý Vũ Ngọc L theo quy định của pháp luật, không yêu cầu bồi thường về dân sự.

Tại bản Cáo trạng số 64/CT-VKSPB ngày 16/4/2021, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố Vũ Ngọc L về tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” và “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 145 và điểm b, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự.

Tại phiên tòa, trong phần luận tội đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình giữ nguyên bản Cáo trạng số 64/CT-VKSPB ngày 16/4/2021, đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố bị cáo Vũ Ngọc L phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” và “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*”

- Đề nghị áp dụng điểm a, d, e khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt Vũ Ngọc L từ 08 đến 09 năm tù;

- Đề nghị áp dụng điểm b, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự: xử phạt Vũ Ngọc L từ 05 năm đến 06 năm tù.

Áp dụng Điều 55 Bộ luật hình sự, tổng hợp hình phạt buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả 2 tội từ 13 – 15 năm tù, thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày tạm giam bị cáo 11/12/2020.

Về hình phạt bổ sung: không áp dụng

Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét.

Về vật chứng: áp dụng Điều 47 Bộ luật hình sự, Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự trả lại cho bị hại Nguyễn Thu H chiếc xe đạp, điện thoại và 150.000đ. Về án phí: bị cáo được miễn án phí theo quy định.

Tại phiên tòa, bị cáo Vũ Ngọc L khai nhận rõ hành vi phạm tội như lời khai tại cơ quan điều tra và bản cáo trạng mô tả. Bị cáo thừa nhận việc truy tố, xét xử là đúng người, đúng tội, không oan. Đại diện hợp pháp của người bị hại đề nghị xử mức án nghiêm khắc đối với bị cáo và không yêu bị cáo cầu bồi thường trách nhiệm dân sự.

Trong phần tranh luận bị cáo xác định mức hình phạt do đại diện Viện kiểm sát đề nghị là cao, bị cáo thành khẩn khai báo, trong cuộc sống thì chị D là mẹ cháu H đối xử không tốt với bị cáo, bị cáo không có quyền chăm sóc cháu H.

Người bào chữa của bị cáo trình bày: Thống nhất với đại diện Viện kiểm sát về tội danh và điều luật truy tố bị cáo ;Thống nhất với việc đại diện Viện kiểm sát đề nghị áp dụng các căn cứ pháp luật, các tình tiết giảm nhẹ để xử phạt bị cáo. Tuy nhiên đề nghị hội đồng xét xử xem xét trong quá trình điều tra, truy tố bị cáo thành khẩn khai báo, cha mẹ bị cáo là người có công với cách mạng. Xem xét tính nhân đạo, đề nghị Hội đồng xét xử giảm nhẹ hình phạt cho bị cáo.

Đại diện hợp pháp của người bị hại là chị D trình bày: bị cáo có trách nhiệm chăm sóc cháu H, cháu H gọi bị cáo là bố, bị cáo có quyền dạy dỗ, bảo ban cháu, đề nghị xử bị cáo nghiêm khắc.

Người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho bị hại có ý kiến: nhất trí với đề nghị của đại diện Viện kiểm sát tại phiên tòa về tội danh, điều luật áp dụng, các tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự đối với bị cáo. Bị cáo L là cha đẻ, là người có trách nhiệm chăm sóc, bảo vệ cháu, tuy nhiên bị cáo không làm tròn trách nhiệm mà còn xâm hại tinh thần, sức khỏe của cháu. Hành vi của bị cáo L đã xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của cháu H, làm ảnh hưởng đến sức khỏe sinh sản, tâm lý và tương lai của cháu H. Bị cáo đã vi phạm cả về đạo đức và pháp luật, vi phạm nghiêm trọng về quyền được bảo vệ của trẻ em, nên nhất trí với mức án đại diện Viện kiểm sát đề nghị. Đề nghị có hình phạt thật nghiêm khắc để có tính răn đe và phòng ngừa chung. Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và đại diện bị hại không yêu cầu nên đề nghị không xem xét theo quy định pháp luật.

Kiểm sát viên đối đáp xác định bị cáo có nhân thân xấu, có nhiều tình tiết định khung, bị cáo hàng ngày vẫn có trách nhiệm lo cho cháu H, như cho tiền cháu H đi học, mua đồ dùng cá nhân, bị cáo nhận thức được hành vi của mình là vi phạm pháp luật nhưng vẫn cố ý thực hiện, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, bị cáo có mâu thuẫn với mẹ bị hại nhưng lại xâm hại bị hại là điều không thể xem xét giảm nhẹ cho bị cáo, nên giữ nguyên quan điểm truy tố.

Trong lời nói sau cùng trước khi Hội đồng xét xử nghị án, bị cáo nhận thấy hành vi của mình là sai và xin Hội đồng xét xử xem xét cho bị cáo được hưởng mức án thấp nhất.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về tính hợp pháp của các hành vi, quyết định tố tụng: Hành vi, Quyết định tố tụng của Cơ quan điều tra Công an huyện Phú Bình, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Tại phiên tòa Hội đồng xét xử, Thư ký, Kiểm sát viên tiến hành tố tụng chấp hành đúng quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa bị cáo và những người tham gia tố tụng không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của Cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về hành vi phạm tội của bị cáo: Lời khai nhận tội của bị cáo tại phiên tòa là khách quan, phù hợp với lời khai của bị cáo tại cơ quan điều tra, phù hợp với lời khai của bị hại, đại diện bị hại, người làm chứng, phù hợp với vật chứng thu được, Bản kết luận giám định pháp y về ADN và các tài liệu chứng cứ khác có trong hồ sơ vụ án, Hội đồng xét xử nhận định: Vũ Ngọc L là người đã thành niên (trên 18 tuổi) là cha dượng và có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục đối với cháu Nguyễn Thu H, sinh ngày 19/9/2005, nhưng từ tháng 4/2019 đến tháng 11/2020 L đã nhiều lần thực hiện hành vi dâm ô và quan hệ tình dục với cháu Nguyễn Thu H khi cháu H đủ 13 tuổi nhưng dưới 16 tuổi tại nhà L thuộc xóm Th, xã T, huyện Phú Bình, tỉnh Thái Nguyên, làm cháu H có thai. Đến ngày 08/01/2021 cháu H sinh được 01 bé gái tại Bệnh viện Đa khoa huyện Phú Bình. Hành vi của bị cáo Vũ Ngọc L đã đủ yếu tố cấu thành tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*” và “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*” quy định tại điểm a, d, e khoản 2 Điều 145 và điểm b, d khoản 2 Điều 146 Bộ luật hình sự.

Nội dung điều luật quy định:

Điều 145. Tội giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi.

“1. Người nào từ đủ 18 tuổi trở lên mà giao cấu hoặc thực hiện hành vi quan hệ tình dục khác với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, nếu không thuộc trường hợp quy định tại Điều 142 và Điều 144 của Bộ luật này, thì bị phạt tù từ 01 năm đến 05 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây, thì bị phạt tù từ 03 năm đến 10 năm:

a) Phạm tội 2 lần trở lên;

...

d) Làm nạn nhân có thai;

...

e) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục”

Điều 146. Tội dâm ô đối với người dưới 16 tuổi.

“1. Người nào đủ 18 tuổi trở lên mà có hành vi dâm ô đối với người dưới 16 tuổi không nhằm mục đích giao cấu hoặc không nhằm thực hiện các hành vi quan hệ tình dục khác, thì bị phạt tù từ 06 tháng đến 03 năm.

2. Phạm tội thuộc một trong các trường hợp sau đây thì bị phạt tù từ 03 năm đến 07 năm:

...

b) Phạm tội 02 lần trở lên;

...

d) Đối với người mà người phạm tội có trách nhiệm chăm sóc, giáo dục”

Bản cáo trạng số 64/CT-VKSPB ngày 16/4/2021 của Viện kiểm sát nhân dân huyện Phú Bình truy tố Vũ Ngọc L theo tội danh và điều luật nêu trên là có căn cứ.

[3] Về tính chất, mức độ của hành vi phạm tội, về nhân thân, các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự: Bị cáo L là người có đủ năng lực chịu trách nhiệm hình sự, nhận thức được việc dâm ô và quan hệ tình dục với cháu H khi cháu H dưới 16 tuổi là vi phạm pháp luật, nhưng bị cáo L với vai trò của người cha dượng vẫn cố ý lợi dụng tình cảm, sự thiếu hiểu biết về dâm ô và giao cấu với cháu H, thể hiện ý thức coi thường pháp luật, coi nhẹ giá trị truyền thống, đạo đức gia đình. Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã trực tiếp xâm phạm đến sự phát triển bình thường về thể chất và sinh lý của trẻ em trong độ tuổi từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi, gây dư luận xấu trong quần chúng nhân dân. Bị cáo có nhân thân xấu, bị cáo không có ý thức tu dưỡng rèn luyện bản thân. Tuy nhiên trong quá trình điều tra, truy tố và tại phiên tòa bị cáo khai báo thành khẩn, tỏ ra ăn năn hối cải, bị cáo có bố, mẹ đẻ được tặng thưởng huân, huy chương. Vì vậy bị cáo được hưởng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự quy định tại điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự. Bị cáo không phải chịu tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự nào quy định tại Điều 52 Bộ luật hình sự

[4] Về hình phạt: Căn cứ vào tính chất, mức độ hành vi phạm tội, sau khi xem xét các tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự và nhân thân đối với bị cáo. Hội đồng xét xử thấy cần áp dụng hình phạt tù tương xứng với tính chất, mức độ của hành vi phạm tội mà bị cáo đã thực hiện, cách ly bị cáo ra khỏi đời sống xã hội một thời gian, để giúp bị cáo cải tạo thành công dân tốt và có tác dụng giáo dục bị cáo và răn đe phòng ngừa chung.

[5]Về biện pháp ngăn chặn: Cần áp dụng Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự. Quyết định tạm giam bị cáo Vũ Ngọc L 45 ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án.

[6] Về trách nhiệm dân sự: Bị hại và người đại diện hợp pháp của người bị hại không có yêu cầu bồi thường thiệt hại và không có yêu cầu gì khác đối với bị cáo L nên Hội đồng xét xử không xem xét.

[7]Về vật chứng: Số tiền 150.000đ, 01 chiếc xe đạp và 01 điện thoại di động của bị hại cần trả lại cho bị hại quản lý, sử dụng.

[8]Về án phí: Bị cáo thuộc gia đình hộ cận nghèo nên cần miễn án phí cho bị cáo theo quy định.

[9]Về quyền kháng cáo: Bị cáo, bị hại, đại diện hợp pháp của bị hại và người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của bị hại được quyền kháng cáo theo quy định của pháp luật.

Xét đề nghị của Kiểm sát viên tại phiên tòa là có căn cứ, phù hợp cần chấp nhận.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

1.Căn cứ vào điểm a, d, e khoản 2 Điều 145, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc L phạm tội “*Giao cấu với người từ đủ 13 tuổi đến dưới 16 tuổi*”

Xử phạt Vũ Ngọc L 09 (Chín) năm tù.

2.Căn cứ vào điểm b, d khoản 2 Điều 146, điểm s khoản 1, khoản 2 Điều 51, Điều 38 Bộ luật hình sự.

Tuyên bố: Bị cáo Vũ Ngọc L phạm tội “*Dâm ô đối với người dưới 16 tuổi*”

Xử phạt Vũ Ngọc L 06 (Sáu) năm tù.

3.Căn cứ vào Điều 55 Bộ luật hình sự, buộc bị cáo phải chấp hành hình phạt chung cho cả hai tội là 15 (Mười lăm) năm tù.

Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt tạm giam 11/12/2020.

4. Về trách nhiệm dân sự: Không xem xét

5. Căn cứ Điều 329 Bộ luật tố tụng hình sự: Quyết định tạm giam bị cáo Vũ Ngọc L 45 (bốn mươi lăm) ngày kể từ ngày tuyên án để đảm bảo thi hành án;

6.Về xử lý vật chứng: Căn cứ Điều 47 Bộ luật hình sự; Điều 106 Bộ luật tố tụng hình sự:

Trả lại cho chị Nguyễn Thu H: 01 xe đạp loại mini, màu hồng, khung xe có chữ “ERANOS” vành xe có chữ “AVIBUS SM80”, lồng xe bị vỡ xe cũ đã qua sử dụng; 01 điện thoại di động nhãn hiệu Samsung màu xám, bị nứt vỡ ở góc dưới màn hình, được niêm phong trong bì thư ký hiệu “ĐT1” và 150.000đ (Một trăm năm mươi nghìn đồng)

(Tình trạng vật chứng theo biên bản giao nhận vật chứng ngày 10/05/2021 giữa Công an huyện Phú Bình và Chi cục thi hành án dân sự huyện Phú Bình.

Số tiền 150.000đ theo Ủy nhiệm chi số 90 ngày 10/5/2021 giữa Công an huyện Phú Bình và Kho bạc Nhà nước huyện Phú Bình)

7. *Về án phí*: Căn cứ Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự, điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 6 Điều 15 Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí; Miễn án phí hình sự sơ thẩm cho bị cáo Vũ Ngọc L.

8. *Về quyền kháng cáo*: Bị cáo, đại diện hợp pháp của bị hại là chị D, người bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp của người bị hại có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị hại và người đại diện hợp pháp của bị hại là anh Hưng vắng mặt, có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày tổng đạt bản án hoặc ngày bản án được niêm yết theo quy định của pháp luật.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Thái Nguyên;
- TAND tỉnh Thái Nguyên;
- TTG Công an tỉnh Thái Nguyên;
- Sở tư pháp tỉnh Thái Nguyên;
- VKSND huyện Phú Bình;
- Công an huyện Phú Bình;
- THADS huyện Phú Bình;
- THA phạt tù;
- Bị cáo;
- Lưu hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Châm Thị Vân Khánh

Căn cứ Điều 48 Bộ luật hình sự; Điều 357, Điều 468, Điều 584, Điều 585, Điều 589 Bộ luật dân sự, Điều 590 Bộ luật Dân sự, công nhận sự thỏa thuận giữa bị cáo và đại diện hợp pháp của bị hại về việc bồi thường. Bị cáo Nguyễn Hải Đphải bồi thường cho đại diện bị hại bà Bạch Thị Lương số tiền là 14.900.000 đồng(Mười bốn triệu chín trăm nghìn đồng), xác nhận bị cáo Đ đã bồi thường 10.000.000 đồng(Mười triệu đồng) nay bị cáo Nguyễn Hải Đphải bồi thường tiếp số tiền 4.900.000 đồng(Bốn triệu chín trăm nghìn đồng) cho đại diện bị hại là bà Bạch Thị Lương.

Kể từ ngày người được thi hành án có đơn yêu cầu thi hành án, trường hợp người phải thi hành án chậm trả tiền thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản tiền lãi theo mức lãi suất quy định tại khoản 2 Điều 468 Bộ luật Dân sự, tương ứng với số tiền và thời gian chậm trả tại thời điểm thanh toán.

Trường hợp bản án quyết định được thi hành theo quy định tại Luật thi hành án Dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại Luật thi hành án Dân sự. Thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Luật thi hành án Dân sự.

